UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG THÀNH ĐÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:582/TB-UBND	*Thành Đông, ngày 02 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc công khai các thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Thực hiện Công văn số 4802/STP-VP ngày 30/9/2026 của Sở Tư pháp về việc công bố các thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp, UBND phường Thành Đông thông báo công khai các thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp tại UBND phường như sau:

1. Công khai các thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp (Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Giao Trung tâm phục vụ hành chính công phường niêm yết công khai các thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

3. Giao Văn phòng HĐND&UBND phường tham mưu, chỉ đạo giải quyết TTHC trên đảm bảo đúng quy định hiện hành.

4. Giao Phòng Văn hóa - xã hội chỉ đạo đăng tải kịp thời Quyết định số 2133/QĐ-BTP ngày 26/9/2026 của Bộ Tư pháp và Thông báo niêm yết các thủ tục hành chính được tái cấu trúc dựa trên dữ liệu trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Tư pháp trên cổng thông tin điện tử phường tại địa chỉ: https://.thanhdong.haiphong.gov.vn.

UBND phường Thành Đông thành phố Hải Phòng thông báo để các tổ chức, cá nhân được biết để thuận tiện trong giao dịch./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố *(để báo cáo);*
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Chủ tịch UBND phường *(để báo cáo);*
- Các PCT UBND phường;
- Phòng Văn hóa - xã hội phường;
- VP HĐND-UBND phường;
- Trung tâm Phục vụ HCC phường;
- Cổng thông tin điện tử phường;
- Lưu: VP.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Kim Quang

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ

THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA THANH TRA THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 10/9/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	**LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN**					
1	1.010943	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	Tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân thành phố	Không quy định	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
II	**LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN**					

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	2.002499	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban tiếp công dân thành phố, bộ phận xử lý đơn thuộc Thanh tra thành phố.	Không quy định	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành, - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh
III	**LĨNH VỰC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**					
1	2.002407	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh	Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý	Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.	Không quy định	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP 19/10/2020 của Chính phủ ngày quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	2.002411	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh	Thời gian giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý	Thanh tra thành phố; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.	Không quy định	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP 19/10/2020 của Chính phủ ngày quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại 2011.
IV	**LĨNH VỰC TỐ CÁO**					
1	2.002394	Giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể gia	Thanh tra thành phố, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.	Không quy định	- Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo.

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày			

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	**LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN**					
1	2.001909	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
II	**LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN**					
1	2.001801	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không quy định	- Căn cứ Luật Tiếp công dân năm 2013; Luật Tố cáo năm 2018 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
III	**LĨNH VỰC KHIẾU NẠI**					
1	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại xã	Thời gian giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý, đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời gian giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.	UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;
IV	**LĨNH VỰC TỐ CÁO**					
1	2.002396	Giải quyết tố cáo cấp xã	Thời hạn giải quyết tố cáo là không quá 30 ngày kể từ ngày thụ lý tố cáo. Đối với vụ việc phức tạp thì có thể gia hạn giải quyết tố cáo một lần nhưng không quá 30 ngày. Đối với vụ việc đặc biệt phức tạp thì có thể	UBND cấp xã	Không quy định	Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 ngày 12/6/2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			gia hạn giải quyết tố cáo hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày			

C. DANH MỤC THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	2.0001790	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	* Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1,2,3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 (theo hướng dẫn tại Công văn số 252/TTCP-C.VI ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ) - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác. * Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập	Cơ quan nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập	Không quy định	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động tài sản, thu nhập. * Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm: Người giữ chức vụ Giám đốc sở và tương đương trở lên, người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. * Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ: - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1,2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN			

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			2018 về việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử			
2	2.002401	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày, thời hạn công khai kết luận là 05 ngày làm việc)	Cơ quan kiểm soát tài sản thu nhập được quy định tại Điều 30 Luật PCTN 2018	Không quy định	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3	2.002403	Thủ tục thực hiện việc giải trình	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải	Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	Không quy định	Luật phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14; Nghị định số 159/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính

STT	Mã số thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình			phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25/5/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.